

ĐỦ TIỀN VẤN THIẾU KINH PHÍ: HIỆN TƯỢNG RẢI ĐỀU, MANH MÚN, NHỎ GIỌT TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH DÀNH CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở VÙNG DÂN TỘC THIẾU SỐ

PGS.TS. Lâm Minh Châu

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn vốn dành cho xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta dựa trên cơ sở tư liệu nghiên cứu thực địa ở một số tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung Việt Nam trong thời gian từ 2016 đến 2019, đồng thời phản biện quan điểm phổ biến trong nhiều báo cáo và phân tích chính sách về các chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước thường xuyên ở trong tình trạng thiếu vốn là do nguồn ngân sách dành cho giảm nghèo còn hạn chế, trong nhiều trường hợp sự thiếu hụt kinh phí không hẳn bắt nguồn từ việc Nhà nước không bố trí đủ ngân sách cho giảm nghèo, mà là từ tình trạng rải đều, manh mún, nhỏ giọt trong việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách đó.

Từ khóa: Xóa đói giảm nghèo, dân tộc thiểu số, ngân sách, thiếu vốn.

Abstract: Drawing on data from the fieldwork conducted in some provinces in the mountainous areas of the North and the Central of Vietnam from 2016 to 2019, this article analyses the causes of the inadequate budget for hunger and poverty alleviation program in ethnic regions of Vietnam to critique the popular view of hunger alleviation and poverty reduction program presented in policy reports. It thereby pinpoints the roots of government budget inadequacy for hunger and poverty reduction are the distribution and management of this budget that leads to the shortcomings of the program.

Keywords: Hunger alleviation and poverty reduction, ethnic minorities, budget, inadequate budget.

Ngày nhận bài: 20/10/2020; ngày gửi phản biện: 30/12/2020; ngày duyệt đăng: 29/1/2021

Đặt vấn đề

Trong chuyến điền dã năm 2018 tại bản Ang, là bản người Thái thuộc một huyện miền núi phía Tây Nghệ An, ông trưởng bản phấn khởi tiếp tôi trong ngôi nhà cộng đồng của bản vừa mới khánh thành. Trước đó hai năm, một doanh nghiệp đã khởi công xây dựng nhà máy

thủy điện nhỏ trên con sông chảy qua bản. Để hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy, bên cạnh khoản đền bù riêng cho từng hộ, công ty còn hỗ trợ cho bản khoản kinh phí 200 triệu đồng để sử dụng vào các hoạt động chung. Theo nguyện vọng của người dân trong bản, toàn bộ khoản kinh phí này được đầu tư vào công trình duy nhất là ngôi nhà cộng đồng. Kinh phí được doanh nghiệp giải ngân một lần và việc thi công hoàn thành chỉ trong hai tháng. “Công trình tư nhân làm mới nhanh thế đấy. Chứ công trình nhà nước làm thì mãi không xong. Tư nhân cứ đủ tiền là làm xong. Còn Nhà nước lắm lúc có đủ tiền mà cuối cùng vẫn thiếu kinh phí, bao nhiêu công trình làm mãi vẫn không hoàn thành được”, ông trưởng bản nói. Lờn nhận xét của ông trưởng bản phản ánh một thực tế đã tồn tại từ lâu trong việc triển khai các chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS): đó là tình trạng thiếu hụt kinh phí dành cho các dự án xóa đói giảm nghèo.

Thông qua tư liệu nghiên cứu thực địa ở một số tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung Việt Nam trong thời gian từ 2016 đến 2019, bài viết phản biện quan điểm phổ biến trong nhiều báo cáo và phân tích chính sách về các chương trình xóa đói giảm nghèo. Theo các báo cáo đó, nguyên nhân chủ yếu khiến các chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước thường xuyên ở trong tình trạng thiếu vốn là do nguồn ngân sách dành cho giảm nghèo còn hạn chế, không đáp ứng đủ nhu cầu về vốn cho việc triển khai các chương trình (Chính phủ, 2010; Ủy ban Dân tộc và UNDP, 2012; Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2018; Lê Phương, 2020). Song, qua ba nghiên cứu trường hợp ở Nghệ An, Lào Cai và Lạng Sơn, bài viết này cho thấy trong nhiều trường hợp sự thiếu hụt kinh phí không hẳn bắt nguồn từ việc Nhà nước không bố trí đủ ngân sách cho giảm nghèo, mà là từ tình trạng rải đều, manh mún, nhỏ giọt trong công tác quản lý và sử dụng nguồn ngân sách đó.

Các vấn đề được nêu trong bài viết bao gồm tình trạng rải đều, manh mún và nhỏ giọt, đã được trình bày trong một số nghiên cứu trước đây về các chính sách phát triển và xóa đói giảm nghèo ở vùng DTTS ở Việt Nam (ADB, 2002, tr. 25; Ủy ban Dân tộc và Cơ quan Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2009; Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội, Irish Aid và UNDP, 2015, tr. 27-28). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chưa đi sâu phân tích cụ thể tác động của các vấn đề đó mà chỉ nhận định chung rằng, những vấn đề này làm giảm hiệu quả của các chính sách giảm nghèo. Câu hỏi đặt ra là giảm hiệu quả như thế nào, trên các phương diện gì, và tác động cụ thể trên thực tế ra sao? Đó là những câu hỏi mà bài viết này mong muốn góp phần giải đáp.

1. Ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số

Theo rà soát của Ủy ban Dân tộc, tính đến năm 2012, có tổng cộng 187 chính sách ở cấp trung ương hỗ trợ dành cho người DTTS, do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trong giai đoạn từ 2016 đến 2019, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 41 văn bản liên quan đến các chính sách hỗ trợ cho người DTTS (Lê Sơn, 2019). Mục tiêu chung của các chính sách này là cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, hướng tới mục tiêu

giảm nghèo bền vững (Chính phủ, 2008; Thủ tướng Chính phủ 2016). Để thực hiện những mục tiêu trên, các chính sách được thiết kế để bao phủ hầu hết các lĩnh vực liên quan đến đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của đồng bào DTTS như: đất đai, tín dụng, giáo dục, dạy nghề, văn hóa, y tế. Trong đó, các lĩnh vực được ưu tiên phân bổ kinh phí bao gồm: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, cải thiện sinh kế và tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho đồng bào DTTS (Ủy ban Dân tộc và UNDP, 2012, tr. 26; Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Về nguồn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo ở vùng DTTS, theo kết luận của Phó thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị tổng kết công tác dân tộc, chính sách dân tộc nhiệm kỳ 2011 - 2015 và triển khai nhiệm vụ năm 2016, chỉ riêng trong giai đoạn 2011 - 2015, ngân sách nhà nước đã bố trí 135.800 tỷ đồng (chiếm 12,8% kinh phí đầu tư cho nông nghiệp nông thôn) để thực hiện các chính sách ở vùng dân tộc và miền núi (Nhu Chính, 2016). Trong giai đoạn 2012 - 2018, ngân sách trung ương đã bố trí 38.766 tỉ đồng cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng DTTS và miền núi, chiếm 85,6% tổng kinh phí dành cho chương trình trên cả nước. Nhà nước cũng đã bố trí 640.764 tỷ đồng để thực hiện các chính sách hỗ trợ đặc thù về giáo dục, y tế và xây dựng cơ sở hạ tầng vùng DTTS (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2019).

Có thể thấy, nguồn ngân sách dành cho giảm nghèo ở vùng DTTS là không nhỏ, song kết quả đạt được vẫn còn hạn chế. Tính đến năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS vẫn chiếm tới 55% số hộ nghèo của cả nước, trong khi tỷ lệ dân số DTTS chỉ chiếm 14,6% dân số của cả nước. Tình trạng người DTTS chưa có sinh kế bền vững vẫn còn phổ biến. Cũng theo báo cáo của các tỉnh vùng DTTS và miền núi, tính đến năm 2019, mới có hơn 80% thôn bản có đường giao thông được cứng hóa đến trung tâm xã. Đường giao thông ở các địa phương còn lại vẫn chủ yếu là đường đất, đường tạm và đa phần không thể sử dụng trong mùa mưa lũ (Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, 2020).

Thông qua ba nghiên cứu trường hợp như đã trình bày, bài viết này chỉ ra rằng, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế kết quả xóa đói giảm nghèo đã nói ở trên là tình trạng rải đều, manh mún, nhỏ giọt đối với cách thức quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách dành cho giảm nghèo. Trong bối cảnh ngân sách dành cho giảm nghèo vốn đã eo hẹp, thì các vấn đề này đã và đang làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu vốn, thậm chí tạo ra hiện tượng thiếu hụt ngay cả khi ngân sách đã bố trí đủ kinh phí cho các hoạt động giảm nghèo.

2. Nguyên nhân hạn chế kết quả xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số

2.1. Rải đều

Rải đều là hiện tượng nguồn vốn dành cho xóa đói giảm nghèo được sử dụng cho quá nhiều nội dung, thay vì tập trung đầu tư vào một số nội dung trọng điểm. Về lý thuyết tổng nguồn vốn ngân sách dành cho giảm nghèo hoàn toàn đủ để đầu tư trọn vẹn cho những nội

dung trọng điểm đó, thì trên thực tế kinh phí đầu tư lại bị dàn mỏng, chia đều cho quá nhiều nội dung, gây ra thiếu hụt.

Lấy ví dụ ở bản Ang. Ngay bên cạnh ngôi nhà cộng đồng mới xây là hai công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo. Thứ nhất là một con đường bê tông nối từ trung tâm bản ra Ủy ban nhân dân xã, được thi công từ nguồn vốn của Chương trình 135. Trước khi công trình khởi công, người dân muốn đi từ bản ra xã phải đi qua một con đường đất. Khi trời mưa, con đường này trở nên nhão, các phương tiện đi lại rất khó khăn, ô tô không thể di chuyển. Thứ hai là một hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung cho hơn 50 hộ dân trong bản, được tài trợ bởi nguồn vốn của Quyết định 755 về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo. Song, trái ngược với ngôi nhà cộng đồng, cả hai công trình đều đang trong tình trạng thi công dang dở vào thời điểm cuối năm 2018, mặc dù đã được khởi công từ trước đó hai năm.

Theo người dân bản Ang, vào thời điểm năm 2015, người dân được thông báo rằng Nhà nước sẽ hỗ trợ kinh phí để làm đường từ bản ra trung tâm xã và xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung. Kinh phí được cấp cho mỗi nội dung là trên dưới một tỷ đồng. Tuy nhiên, theo người dân ước tính thì kinh phí này không đủ. Đoạn đường nối từ trung tâm bản ra xã có chiều dài 1,5km, chi phí xây dựng ước tính là 2 tỷ đồng. Tương tự như vậy, một hệ thống cấp nước sạch tập trung, bao gồm hệ thống thu nước ở đầu nguồn, bể trữ nước ở cuối nguồn và hệ thống đường ống dẫn nước cũng cần khoảng 2 tỷ đồng kinh phí. Theo ý kiến người dân, chính quyền nên tập trung nguồn kinh phí được cấp để triển khai một nội dung, thay vì triển khai cùng lúc vừa làm đường vừa xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt. Song, chính quyền giải thích rằng hai nguồn vốn này thuộc hai chương trình khác nhau, kinh phí được phê duyệt cho nội dung nào chỉ có thể chi vào đúng nội dung đó. Do không thay đổi được kế hoạch đã phê duyệt, nên cuối cùng người dân đành chấp nhận để chính quyền triển khai cả hai hạng mục là làm đường và xây dựng hệ thống cấp nước cùng một lúc, giống như kế hoạch ban đầu. Kết quả không nằm ngoài dự đoán của người dân, cả hai dự án đến nay đều chưa thể hoàn thành vì thiếu vốn. Đoạn đường chỉ hoàn thành hơn một nửa, phần còn lại vẫn đường đất. Mùa mưa lũ, xe ô tô vẫn không thể đi từ trung tâm xã vào bản, do còn hơn 500m đường chưa thi công. Hệ thống cấp nước cũng chỉ thi công được khu bể trữ nước ở cuối nguồn, nhưng bể không có nước vì không còn kinh phí cho hệ thống thu nước đầu nguồn và hệ thống đường ống dẫn nước.

Câu chuyện bản Ang chỉ ra một vấn đề phổ biến trong cách thức sử dụng nguồn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo ở vùng DTTS: đó là nguồn ngân sách không những eo hẹp mà còn bị rải đều ra quá nhiều mục tiêu và nội dung chính sách (Ủy ban Dân tộc và UNDP, 2012; Tây Giang, 2015; Minh Huệ, 2015). Thay vì tập trung cho một số mục tiêu trọng điểm, nguồn vốn dành cho giảm nghèo bị xé nhỏ cho quá nhiều hoạt động. Hệ quả là tất cả các hoạt động đều rơi vào tình trạng thiếu vốn. Như lời ông trưởng bản Ang: “Cái gì cũng có kinh phí, nhưng chả cái gì có đủ”.

2.2. Manh mún

Manh mún là tình trạng bị chia cắt thành nhiều phần nhỏ rời rạc, không thể kết hợp với nhau. Từ “manh mún” thường được dùng để mô tả tình trạng sở hữu ruộng đất: tuy tổng diện tích canh tác của một địa phương là không nhỏ, nhưng lại không thể triển khai nông nghiệp quy mô lớn. Lý do là vì diện tích canh tác bị chia thành các mảnh ruộng nhỏ không đều nhau về chất lượng, bị ngăn cách bởi các bờ vùng bờ thửa, nên không thể gộp lại thành một cánh đồng lớn.

Tính chất manh mún không phải là hiếm gặp trong quản lý và sử dụng các nguồn vốn ngân sách dành cho giảm nghèo ở vùng DTTS. Lấy ví dụ bản Cẩm, một bản người Dao thuộc huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cho đến năm 2016, nguồn sinh kế chính của 60 hộ dân trong bản là trồng lúa. Tuy nhiên, nguồn thu từ lúa về cơ bản chỉ đủ ăn, do đó mỗi hộ gia đình còn có trung bình 2ha đất lâm nghiệp thuộc loại đất rừng nghèo. Nguồn lợi từ đất lâm nghiệp rất ít, chủ yếu là củi khô và rau dại, với giá trị chỉ khoảng 1 - 2 triệu đồng/năm.

Vào thời điểm năm 2016, đa số các gia đình trong bản đều muốn chuyển sang một hướng sinh kế mới thông qua việc trồng keo lấy gỗ trên phần đất lâm nghiệp. Trung bình một ha keo sẽ cho thu hoạch sau 5 năm. Với giá trung bình 800.000 - 1 triệu đồng/tấn, với sản lượng 60 - 80 tấn/ha, mỗi hộ gia đình có thể thu lợi khoảng 50 - 80 triệu đồng/ha. Nếu trừ chi phí đầu tư khoảng 20 triệu đồng/ha gồm cả giống, công trồng, chăm sóc và thu hoạch, thì người trồng có thể có lãi 30 - 60 triệu đồng/ha. Song, trong năm 2016, đa số các gia đình trong bản đều không thể kham nổi chi phí đầu tư ban đầu lên tới 40 triệu đồng. Hy vọng của họ nằm ở các chính sách vay vốn dành cho người DTTS, bao gồm Quyết định 54 với mức vay tối đa 8 triệu đồng/hộ, Quyết định 755 với mức vay tối đa 15 triệu đồng/hộ và Nghị định 75/2015 với mức vay 15 triệu đồng/hộ. Như vậy, phần lớn các gia đình không thể tiếp cận đầy đủ nguồn vốn từ cả ba chính sách để huy động khoản đầu tư 40 triệu đồng như kế hoạch. Lý do là ba nguồn vốn có quy định và cách thức quản lý khác nhau, rất khó kết hợp. Ví dụ, nguồn vốn vay từ Quyết định 755 yêu cầu phải có tài sản bảo đảm, trong khi để vay vốn từ Nghị định 75/2015 thì phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Nhiều hộ gia đình có tài sản thế chấp vay vốn theo Quyết định 755 thì lại không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để vay vốn từ Nghị định 75/2015. Trong khi, một số gia đình được cấp đất trong những năm gần đây và có giấy chứng nhận thì lại không có tài sản thế chấp để vay vốn theo Quyết định 755. Vì vậy, đa phần các gia đình chỉ vay được từ một trong hai chương trình 755 hoặc 75/2015 với mức 15 triệu đồng. Chương trình duy nhất không có ràng buộc là Quyết định 54 thì mức vay lại quá ít. “Nuôi gà còn không đủ chứ đừng nói là để trồng keo” - Một người dân trong bản nói.

Câu chuyện bản Cẩm phản ánh một thực tế khác trong quản lý nguồn vốn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo. Thay vì tập trung quản lý bởi một đầu mối duy nhất, với một hệ thống quy định thống nhất và dễ tiếp cận, các nguồn vốn dành cho giảm nghèo lại bị phân

tán thành nhiều mảnh nhỏ. Mỗi mảnh lại đi kèm với các điều kiện, quy định và cách thức triển khai riêng, nên rất khó để kết hợp và lồng ghép chúng lại với nhau (Minh Huệ, 2015; Danh Út, 2015). Hệ quả là ngay cả trường hợp có đủ nguồn vốn dành cho giảm nghèo, thì người dân chỉ có thể tiếp cận được một số mảnh nhỏ rời rạc của những nguồn vốn đó thay vì huy động toàn bộ các nguồn lực hiện có.

3.2. Nhỏ giọt

Ngay cả trường hợp nguồn vốn ngân sách cho một hoạt động giảm nghèo được cam kết đảm bảo đầy đủ thì tình trạng thiếu hụt kinh phí vẫn xảy ra do chậm giải ngân hay còn gọi là giải ngân “nhỏ giọt”. Ví dụ như trường hợp bản Viên, một bản người Nùng ở huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2016, bản này được Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt là 2 tỷ đồng. Theo tính toán của chính quyền địa phương và dân bản, nguồn kinh phí này hoàn toàn đủ để thi công hệ thống bể trữ nước ở cuối nguồn, hệ thống bể thu nước từ đầu nguồn là một hồ nước ngọt trên núi cách bản Viên 3km, và hệ thống ống dẫn nước. Tuy nhiên, sau ba năm, công trình vẫn chưa hoàn thành, với lý do mỗi năm kinh phí chỉ chuyển về một phần và luôn bị chậm so với tiến độ thi công. Năm 2017, nhà thầu nhận được gần 1 tỷ đồng để thực hiện công trình, khi phần bể trữ nước ở hạ nguồn đã được hoàn thành nhưng kinh phí đợt hai vẫn chưa được cấp. Đến đầu năm 2019, kinh phí mới được cấp bổ sung nhưng chỉ ở mức 500 triệu, vừa đủ để xây dựng một phần hệ thống đường ống dẫn nước từ đầu nguồn về bể trữ nước. Khoản kinh phí còn lại gần 500 triệu để hoàn thiện hệ thống đường ống và xây dựng hệ thống bể thu nước ở đầu nguồn thì đến nay vẫn chưa được cấp. Do chưa có kinh phí để xây dựng hệ thống thu nước ở đầu nguồn, nên không có nước về bể trữ nước cuối nguồn. Vì không có kinh phí, phía nhà thầu đã tạm dừng thi công, rút hết nhân lực và thiết bị, để lại bể trữ nước trong tình trạng bỏ không. Khi ông trưởng bản dẫn tôi đi thăm bể, phần bên trong bể đã bắt đầu xuất hiện rêu mốc do lâu ngày không sử dụng. Các vòi nước lắp xung quanh bể phần lớn đã gãy hỏng hoặc bị tháo trộm do không có người trông coi. Hệ thống ống dẫn nước cũng đã bắt đầu xuống cấp.

Câu chuyện về bản Viên cho thấy một nghịch lý nữa trong quản lý và sử dụng nguồn ngân sách dành cho giảm nghèo. Với trường hợp này, ngay cả khi nguồn vốn để thực hiện một chính sách giảm nghèo đã được cam kết bố trí đầy đủ, thì việc thiếu vốn, đói vốn vẫn xảy ra do tình trạng giải ngân nhỏ giọt. Trên thực tế, đây không phải là vấn đề hiếm gặp. Nhiều báo cáo và nghiên cứu về các chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam đã chỉ ra rằng nguồn vốn của một dự án thường được giải ngân rất muộn trong thời gian đầu dự án, giải ngân tập vào giai đoạn cuối, và thường chậm hơn nhiều so với tiến độ đề ra (Chính phủ, 2010; Thái Anh, 2018; Sỹ Hào, 2019).

Kết luận

Với ba trường hợp nêu trên, tình trạng thiếu kinh phí trên thực tế đều không phải bắt nguồn từ việc Nhà nước không bố trí đủ ngân sách cho xóa đói giảm nghèo, mà chủ yếu đến

từ nguồn ngân sách đó được quản lý, sử dụng như thế nào. Khi ông trưởng bản Ang so sánh quá trình thi công ngôi nhà cộng đồng do doanh nghiệp tài trợ với các dự án xóa đói giảm nghèo của Nhà nước như con đường 135 hay công trình nước sạch tập trung, điểm khác biệt mà ông muốn nhấn mạnh không phải là công trình do doanh nghiệp tài trợ có đủ kinh phí thực hiện còn công trình của Nhà nước thì không. Thay vào đó, ông nói rằng nguồn kinh phí dùng để xây ngôi nhà cộng đồng được đầu tư có trọng điểm vào duy nhất một công trình, được cấp tập trung qua một đầu mối duy nhất và được giải ngân ngay lập tức. Trong khi, nguồn vốn ngân sách dành cho các hoạt động xóa đói giảm nghèo được nêu trong bài viết này thì lại được quản lý, sử dụng theo kiểu rải đều, manh mún và nhỏ giọt. Đây là một trong những tác động chính mà các vấn đề trên gây ra đối với các chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước, làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu kinh phí dành cho giảm nghèo, gây ra tình trạng thiếu kinh phí khi nguồn vốn ngân sách trên thực tế không hề thiếu hụt.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, đặc biệt là dưới tác động của các diễn biến bất lợi như dịch Covid-19, nguồn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo ở vùng DTTS chắc chắn sẽ chịu áp lực lớn. Việc bổ sung ngân sách dành cho giảm nghèo không phải là vấn đề có thể giải quyết triệt để trong ngắn hạn. Tuy nhiên, bài viết này chỉ ra rằng tình trạng thiếu kinh phí cho các dự án giảm nghèo hoàn toàn có thể được giảm bớt thông qua việc điều chỉnh cách thức quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách. Qua đó có thể thấy rằng, các điều chỉnh cần ưu tiên cho ba việc: (1) Tập trung nguồn lực vào một số nội dung trọng điểm; (2) Tích hợp và thống nhất các nguồn lực đang bị rải rác và quản lý manh mún; (3) Giảm thiểu tình trạng nhỏ giọt trong việc giải ngân nguồn ngân sách dành cho xóa đói giảm nghèo.

Tài liệu tham khảo

1. Thái Anh (2018), “Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo nghị quyết của Quốc hội”, *Báo Nhân dân*, trên trang <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-su-kien/thuc-hien-muc-tieu-giam-ngheo-ben-vung-theo-nghi-quyet-cua-quoc-hoi-336472/>, đăng ngày 28/9/2018 (Truy cập ngày 20/08/2020).
2. Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội, Irish Aid và UNDP (2015), *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam*.
3. Chính phủ (2010), *Báo cáo Kết quả chỉ đạo, thực hiện xóa đói giảm nghèo qua Chương trình 135; Việc quản lý, lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2006 - 2010*, Hà Nội ngày 06 tháng 5 năm 2010.
4. Chính phủ (2008), *Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*, Hà Nội ngày 27 tháng 12 năm 2008.
5. Như Chính (2016), “135.800 tỷ đồng vốn đầu tư cho vùng dân tộc, miền núi”, *Báo Đầu tư online*, trên trang <https://baodautu.vn/135800-ty-dong-von-dau-tu-cho-vung-dan-toc-mien-nui-d42037.html>, đăng ngày 01/04/2016 (Truy cập ngày 30/07/2020).

6. Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (2020), *Tờ trình Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV*.
7. Tây Giang (2015), “Sự đàn trải của chính sách giảm nghèo”, *Báo Nhân dân*, trên trang <https://nhandan.com.vn/dien-dan-nhan-dan-cuoi-tuan/su-dan-trai-cua-chinh-sach-giam-ngheo-223653/>, đăng ngày 23/1/2015 (Truy cập ngày 01/02/2019).
8. Sỹ Hào (2019), “Giải ngân vốn hỗ trợ phát triển sản xuất: Làm thế nào để khơi thông dòng chảy?” *Báo Dân tộc và phát triển*, trên trang <https://baodantoc.vn/giai-ngan-von-ho-tro-phat-trien-san-xuat-lam-the-nao-de-khoi-thong-dong-chay-43925.htm>, đăng ngày 30/08/2019 (Truy cập ngày 29/05/2020).
9. Minh Huệ (2015), “Tích hợp ngay những chính sách mạnh mẽ”, *Cổng thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc*, trên trang <http://cema.gov.vn>, đăng ngày 21/01/2015 (Truy cập ngày 22/08/2020).
10. Lê Phương (2020), *Phỏng vấn Đại biểu Quốc hội Bùi Sĩ Lợi “Tập trung nguồn lực phát triển giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số”*, trên trang <http://quochoi.vn/hoatdongdbqh/Pages/home.aspx?ItemID=48656>, đăng ngày 28/09/2020 (Truy cập ngày 29/07/2020).
11. Lê Sơn (2019), “Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp giám sát về giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số, miền núi”, *Báo điện tử Chính phủ*, ngày 10/09/2019.
12. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội ngày 02 tháng 09 năm 2016.
13. Danh Út (2015), *Phát biểu tại Diễn đàn Triển khai các Mục tiêu phát triển dân tộc thiểu số trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội ngày 9 tháng 12 năm 2015.
14. Ủy ban Dân tộc và Cơ quan Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2009), *Nhìn lại quá khứ, đối mặt thách thức mới - Báo cáo đánh giá giữa kỳ chương trình 135 - II giai đoạn 2006 - 2009*.
15. Ủy ban Dân tộc và UNDP (2012), *Báo cáo nghiên cứu rà soát các chính sách dân tộc và đề xuất xây dựng hệ thống chính sách dân tộc đến năm 2020*, Hà Nội tháng 7 năm 2012.
16. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2019), *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2012 - 2018*.
17. Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội (2018), *Báo cáo thẩm tra sơ bộ Báo cáo của Chính phủ về kết quả 2 năm (2017 - 2018) thực hiện Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020*, Hà Nội ngày 09/09/2018.